

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: Sư phạm tiếng Anh

Mã số : **7140231**

Trình độ đào tạo: Đại học

Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hải Dương

PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về Trường Đại học Hải Dương

Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập ngày 26 tháng 07 năm 2011 trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên thành Trường Đại học Hải Dương theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 27/4/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 448/QĐ-TTg về việc Sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương. Trước khi sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, Trường Cao đẳng Hải Dương có truyền thống xây dựng và phát triển 63 năm, là cơ sở đào tạo giáo viên uy tín trong tỉnh và trên toàn quốc.

Với bề dày lịch sử hơn 60 năm xây dựng và phát triển Trường đạt được nhiều thành tích, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất năm học 2014-2015. Nhiệm vụ chủ yếu của Trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, nghiên cứu khoa học và các dịch vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Trường Đại học Hải Dương đang triển khai thực hiện Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án sáp nhập Trường cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương và chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2045 với các mục tiêu và giải pháp đồng bộ nhằm đưa Trường tiếp tục phát triển, đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, chiến lược khoa học và công nghệ của đất nước.

2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Nhà trường có hơn 400 cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động, trong đó có 33 Tiến sĩ về khoa học giáo dục. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà

trường đang phát triển nhanh và bền vững, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt. Ngoài ra Nhà trường có mời một số giảng viên thỉnh giảng có trình độ GS, PGS, tiến sĩ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn từ các cơ sở đào tạo đại học và các cơ quan, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Nhà trường được tỉnh cho phép và đang tích cực mời các nhà khoa học cùng các chuyên gia ở trong và ngoài nước; đặc biệt là những người đang sinh sống ở tỉnh Hải Dương và Hà Nội tham gia giảng dạy, hợp tác nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, học liệu phù hợp với thực tiễn của Hải Dương và các tỉnh, thành phố lân cận.

3. Các ngành đào tạo

Giai đoạn từ 2019 đến nay, Trường Đại học Hải Dương tập trung tổ chức tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học, ... cụ thể:

* Trình độ Thạc sĩ, gồm 02 ngành:

1. Kế toán
2. Quản lý kinh tế

* Trình độ đại học, gồm 12 ngành:

1. Kế toán
2. Quản trị kinh doanh
3. Tài chính - Ngân hàng
4. Quản trị văn phòng
5. Chăn nuôi
6. Công nghệ thông tin
7. Kỹ thuật điện
8. Phát triển nông thôn
9. Chính trị học
10. Kinh tế
11. Ngôn ngữ Anh
12. Quản trị dịch vụ Du lịch & Lữ hành

4. Tổ chức dạy và học

Đào tạo theo học chế tín chỉ:

- Nhà trường đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ đối với trình độ đại học từ năm học 2011 - 2012;

- Học viên, sinh viên, giảng viên và cán bộ quản lý đã thích ứng với việc

giảng dạy và học tập theo học chế tín chỉ;

Đổi mới cách dạy và học:

- Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng các học phần kiến thức ngoại ngữ tin học và các kỹ năng bổ trợ, cập nhật kiến thức cho các học phần hàng năm;
- Xây dựng và triển khai Ngân hàng đề thi, đẩy mạnh chống gian lận trong thi, đánh giá kết quả học tập.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo

Trường đã ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong việc quản lý các hoạt động, các dữ liệu được số hóa. Nhà trường hợp đồng với VNPT Hải Dương đặt mạng Internet cáp quang với tốc độ đường truyền 200Mbps. Xây dựng, triển khai, duy trì hệ thống mạng LAN và wifi phủ kín toàn trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống máy chủ để cài đặt phần mềm đào tạo, các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng. Sử dụng Google Meet và Microsoft Team trong công tác đào tạo trực tuyến. Sử dụng hệ thống email đồng bộ, giúp cho việc ban hành văn bản nhanh, kịp thời.

6. Kiểm định chất lượng

Năm học 2020 - 2021, Trường đã hoàn thành tự đánh giá cơ sở giáo dục, Báo cáo Tự đánh giá đã được Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) chấp thuận và đồng ý triển khai các bước đánh giá ngoài (T6 - 2020). Trường đã đăng ký kiểm định chất lượng, ký hợp đồng với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) để thực hiện đánh giá ngoài. CEA-AVU&C đã thực hiện khảo sát sơ bộ (15/11/2020), khảo sát chính thức (19 - 24/11/2020) để phục vụ đánh giá ngoài. Kết quả: Trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (Giấy chứng nhận số CSGD2021.04/CEA-AVU&C cấp ngày 26/5/2021).

7. Về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất: Hiện tại Trường Đại học Hải Dương có 04 cơ sở đào tạo:

- Trụ sở chính (cơ sở 1): Khu đô thị phía Nam, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích đất được giao 294.903,2 m² (bao gồm cả khu KTX sinh viên).

- Cơ sở 2: Số 42, đường Nguyễn Thị Duệ (20.108 m²) và số 250 đường Nguyễn Lương Bằng (4962,4 m²), phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Cơ sở 3: Khu 8, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (19.813 m²).

- Cơ sở 4: Khu Tiền Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (15.523,4 m²).

Theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương đã được của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 - 2025) ước tính từ 200 - 250 tỷ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc ... khang trang, hiện đại.

8. Giới thiệu về Khoa Ngoại ngữ

Khoa Ngoại ngữ của Trường Đại học Hải Dương sau sáp nhập được giao nhiệm vụ chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh, trình độ đại học. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo gồm 32 giảng viên, trong đó, 12 tiến sĩ (05 tiến sĩ ngành phù hợp), 20 thạc sĩ.

Nhà trường có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, đã trưởng thành qua thực tế và có nhiều năm kinh nghiệm, có thâm niên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Khoản 2, Điều 10 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT. Hiện nhà trường có 44 Tiến sĩ, trong đó có 33 Tiến sĩ về khoa học giáo dục là giảng viên cơ hữu. Riêng đối với ngành Sư phạm Tiếng Anh đảm bảo cụ thể như sau:

- Có 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: TS. Vũ Hoài Thu, chuyên ngành Tiếng Anh.

- Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy:

+ TS. Phạm Thị Thu Hằng, chuyên ngành GDCT: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương.

+ Nguyễn Thị Tím Huê, chuyên ngành GDH; TS Nguyễn Tím Huê, chuyên ngành Giáo dục học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành.

+ TS. Vũ Hoài Thu, chuyên ngành Tiếng Anh: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành.

+ TS. Trần Thị Hương, chuyên ngành Tiếng Anh: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, thực hành và thực tập sư phạm.

+ TS. Vũ Thị Thảo, chuyên ngành Tiếng Anh: Chủ trì thực hiện nội dung NCKH (luận án, luận văn).

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định: Đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của Trường đảm nhận được 100% khối lượng chương trình đào tạo. Ngoài ra, nhằm tăng cường đội ngũ giảng viên có học vị chuyên môn cao, Trường hiện đang thực hiện chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên đi học. Hiện nay, Trường cũng đang thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ cao; áp dụng chế độ thu hút nhân tài của tỉnh Hải Dương đối với những giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Sự cần thiết về việc mở ngành đào tạo

2.1.1. Sự phù hợp với nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực

Trong báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022, triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay toàn quốc có 86,1% giáo viên THCS và 99,9% giáo viên THPT đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019. Mặt khác, theo báo cáo tại phiên giải trình do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục tổ chức ngày 25 tháng 02 năm 2022, cả nước thiếu 14.653 giáo viên THCS, 11.133 giáo viên THPT. Về cơ bản, tỉ lệ và số liệu này cho thấy đội ngũ giáo viên chưa hẳn đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng giáo viên trung học thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trước tình hình thiếu giáo viên, ngày 02 tháng 8 năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 3585/BGDĐT-NGCBQLGD gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai tuyển dụng biên chế giáo viên mầm non, phổ thông theo Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 18 tháng 7 năm 2022. Cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo khẩn trương triển khai tổ chức tuyển dụng 27.850 biên chế giáo viên mầm non và phổ thông bổ sung cho các tỉnh, thành phố năm học 2022 - 2023. Mặt khác, trong định hướng chiến lược đào tạo giáo viên, từ năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao chỉ tiêu đào tạo sư phạm theo nhu cầu của các địa phương. Năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao 69.630 chỉ tiêu cho 102 trường đào tạo giáo viên trên cả nước, nếu so với năm 2019 thì chỉ tiêu năm 2020 tăng tương đương 64% (năm 2019 là 44.076 chỉ tiêu). Việc giao tăng chỉ tiêu này nhằm đảm bảo lộ trình thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Do đó, đào tạo giáo viên trung học nói chung, giáo viên Tiếng Anh trình độ đại học nói riêng trong những cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện bảo đảm

chất lượng là việc làm phù hợp để giải quyết bài toán thực tế và thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước.

Hải Dương, xét về vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên, nằm ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Hồng, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), tiếp giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Hưng Yên và thành phố cảng Hải Phòng; có tiềm năng lớn về sản xuất vật liệu xây dựng, như đá vôi, đất sét, cao lanh, quặng bô-xít,... Ở khía cạnh hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng, Hải Dương có các tuyến đường bộ (quốc lộ 5A, 188, 18,...), đường sắt (tuyến Hà Nội - Hải Phòng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa qua bảy trạm trên dọc tuyến đường), đường thủy (tuyến đường thủy dài 400 km rất thuận tiện cho việc vận chuyển của các loại tàu bè có trọng tải khoảng 500 tấn); gần hai sân bay - sân bay quốc tế Nội Bài Hà Nội và sân bay Cát Bi Hải Phòng. Hải Dương cũng nổi bật ở phương diện văn hóa tâm linh với 1.098 khu di tích lịch sử, trong đó có 133 di tích quốc gia và nhiều khu di tích được xếp hạng đặc biệt quốc gia như Côn Sơn, Kiếp Bạc... Như vậy, Hải Dương là tỉnh hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... Đầu tư giáo dục và đào tạo nhằm ổn định và phát triển các yếu tố nói trên cho vùng đất là phen giậu phía đông của kinh thành Thăng Long xưa, thủ đô Hà Nội nay.

Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho biết dân số Hải Dương là 1,89 triệu người, mật độ dân số 1137 người/km² - đứng thứ ba ở Đồng bằng sông Hồng (sau Hà Nội và Hải Phòng), đứng thứ chín trong cả nước. Với một tỉnh đông dân, mật độ dân số cao như Hải Dương thì vấn đề giáo dục đào tạo luôn luôn được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm.

Theo thống kê, năm học 2022 - 2023, Hải Dương có 26.815 giáo viên, cán bộ quản lý khối công lập, gồm 22.559 người trong diện biên chế, còn lại là hợp đồng. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 của khối THPT đạt 100%, THCS đạt 93,5%, Tiểu học đạt 95,7%, Mầm non đạt 97%. So với nhu cầu giáo viên để thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới, năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh Hải Dương thiếu 3.614 giáo viên các cấp, 989 giáo viên cấp THCS và THPT, trong đó có giáo viên tiếng Anh. Như vậy, ngoài việc bổ sung cho những nơi hiện đang thiếu giáo viên tiếng Anh, bổ sung cho những giáo viên tiếng Anh hiện nay sẽ hết tuổi công tác thì việc cung cấp nguồn giáo viên tiếng Anh có trình độ để đáp ứng cho quy mô học sinh THCS, THPT tăng lên trong những năm tới là rất quan trọng. Do đó, khi khảo sát nhu cầu người học và nhà tuyển dụng tại các trường THCS, THPT, 100% ý kiến cho rằng cần thiết có cơ sở đào tạo giáo viên trung học nói chung, giáo viên tiếng Anh nói riêng trên địa bàn tỉnh để kịp thời bổ sung số giáo viên còn thiếu của các trường phổ thông,

nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2030.

Trong thời gian tới, tỉnh Hải Dương tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, chỉ đạo của ngành, Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, trong đó có chương trình dạy học môn tiếng Anh ở THCS, THPT. Chính vì vậy, Trường Đại học Hải Dương nhận thấy việc mở ngành Sư phạm tiếng Anh trình độ đại học là xu hướng tất yếu, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hải Dương cũng như của khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước.

2.1.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Mục tiêu phát triển Trường Đại học Hải Dương sau sáp nhập thành trường đại học trọng điểm của tỉnh Hải Dương và khu vực Đồng bằng sông Hồng là một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục Hải Dương. Việc đào tạo sinh viên Sư phạm tiếng Anh trình độ đại học cho phép tận dụng tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao của trường Đại học Hải Dương, đặc biệt là đội ngũ giảng viên sư phạm. Không chỉ vậy, nó còn nâng cao vị thế của trường Đại học Hải Dương tại tỉnh Hải Dương và khu vực, góp phần đưa trường Đại học Hải Dương trở thành đại học trọng điểm định hướng nghiên cứu đa ngành, trong đó có một số ngành mũi nhọn, tạo điều kiện hội nhập sâu rộng vào cộng đồng giáo dục đại học trong nước, quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Từ những lý do nêu trên, Trường Đại học Hải Dương xét thấy việc mở ngành đào tạo Sư phạm tiếng Anh, trình độ đại học là hoàn toàn cần thiết.

2.2. Khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành của cơ sở đào tạo

Thực hiện Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở mã ngành đào tạo, cụ thể như sau:

Nhà trường đã cho khảo sát, phân tích về nhu cầu sử dụng giáo viên Tiếng Anh trung học ở hiện tại và tương lai của tỉnh Hải Dương và các tỉnh khác trong khu vực, trên toàn quốc để làm rõ sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo.

Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường đã tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy

đủ nội dung và chất lượng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng Trường Đại học Hải Dương về chủ trương mở ngành đào tạo, nhà trường đã chỉ đạo xây dựng đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Tiếng Anh: Xây dựng chương trình đào tạo, thẩm định chương trình đào tạo, kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương đã tổ chức thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Tiếng Anh, trình độ đại học, trong đó đã xem xét, đánh giá kỹ điều kiện thực tế của Trường Đại học Hải Dương về mở ngành: tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở. Kết quả thẩm định của Hội đồng khoa học và đào tạo cho thấy Trường Đại học Hải Dương có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định.

Trên cơ sở Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Tiếng Anh, trình độ đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã ký quyết định ban hành chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học, mã số 7140231.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo luôn là thế mạnh của Trường Đại học Hải Dương. Nội dung chương trình đào tạo của các ngành đào tạo hiện nay của nhà trường thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, tăng cường thực hành nghề nghiệp, đảm bảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hải Dương thường xuyên tiếp cận với chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn và khu vực, gắn với thực tiễn để đào tạo phù hợp với nhu cầu của người học, với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các ngành đào tạo đều được xây dựng chuẩn đầu ra, làm thước đo cho việc đào tạo. Các hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp học tập, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng của xã hội... được thực hiện cả ở cấp khoa và trường. Nội dung, chương trình đào tạo được triển khai theo hướng tăng cường rèn năng lực nghiệp nghề đã giúp sinh viên ra trường làm được việc ngay, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Hiệu trưởng Nhà trường đã chỉ đạo tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh, trình độ đại học đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành. Chương trình đào

tạo ngành Sư phạm tiếng Anh, trình độ đại học của Nhà trường cụ thể như sau:

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Tiếng Anh
Tên chương trình (Tiếng Anh):	English Language Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140231
Khoa quản lí chương trình:	Ngoại Ngữ
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	122
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 122 tín chỉ; - Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; - Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tiếng Anh tại các trường phổ thông và các cơ sở đào tạo tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc dân và quốc tế. - Giảng viên tiếng Anh ở trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học sau khi học bổ sung kiến thức, học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn. - Làm chuyên viên ở các cơ sở giáo dục; - Làm chuyên viên ở các viện nghiên cứu (Viện Ngôn ngữ, Viện từ điển,...). - Làm việc trong lĩnh vực chuyên môn khác yêu cầu về kiến thức văn hóa, xã hội và khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và ngoài nước
Chương trình đào tạo tham khảo:	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Vinh; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên- Trường Đại học Thái Nguyên; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm

	Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ - Trường Đại học Đà Nẵng.
--	---

CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;
- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và đào tạo Quy định Danh mục Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương.

3.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1.1. Mục tiêu chung

- Đáp ứng nguồn nhân lực giáo viên Sư phạm Tiếng Anh có đủ phẩm chất và năng lực dạy học cho tỉnh Hải Dương cũng như khu vực Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên TH, THCS, THPT hiện nay của tỉnh Hải Dương;

- Giải quyết việc làm cho đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện có của Trường.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về tiếng Anh, các kiến thức liên ngành ngôn ngữ và giao tiếp liên văn hóa.

PO2: Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học giáo dục, lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh, tâm lý học, giáo dục học và vận dụng được trong dạy học, giáo dục học sinh.

PO3: Có kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, ngôn ngữ và văn hóa, khoa học Mác-Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối cách mạng của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

PO4: Sử dụng thành thạo tiếng Anh (bậc 5) trong hoạt động chuyên môn và xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh ở trường phổ thông và sử dụng được ngoại ngữ thứ 2 trong giao tiếp cơ bản (tương đương bậc 3/6).

PO5: Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học tiếng Anh và khoa học giáo dục.

PO6: Sử dụng thành thạo các kỹ năng dạy học tiếng Anh: lập kế hoạch dạy học tiếng Anh, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học tiếng Anh, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh của học sinh.

PO7: Có năng lực phát triển chương trình tiếng Anh, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn tiếng Anh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PO8: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học giáo dục và khoa học tiếng Anh.

PO9: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và ngoại ngữ trong dạy học tiếng Anh và khai thác tài nguyên dạy học.

PO10: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO11: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO12: Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt và hội nhập với văn hóa thế giới.

PO13: Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

3.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

3.2.1. Chuẩn đầu ra

- Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện vào dạy học tiếng Anh và giáo dục học sinh ở trường phổ thông. PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về văn học, văn hóa, ngôn ngữ để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tiếng Anh; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

- Về kỹ năng

PLO7: Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Có kỹ năng khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin

để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

PLO9: Có kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tương đương bậc 5/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn. Sử dụng được ngoại ngữ thứ 2 trong giao tiếp cơ bản (tương đương bậc 3/6).

PLO10: Có kỹ năng vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về tiếng Anh cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Có kỹ năng vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn tiếng Anh ở trường phổ thông.

PLO12: Có kỹ năng vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông. PLO13: Có kỹ năng sử dụng linh hoạt kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học tiếng Anh và trong cuộc sống.

3.2.2. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

3.2.3. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Chức danh nghề nghiệp Môi trường làm việc	Giáo viên, nghiên cứu viên	Viên chức, cán bộ	Chuyên viên, nhà báo, biên tập viên	Biên dịch/phiên dịch viên	Giảng viên	Cán bộ hướng dẫn viên
Các cơ sở giáo dục phổ thông	2	0	0	0	0	0
Các cơ quan truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản	0	2	1	2	0	0
Cơ quan quản lý giáo dục, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục	0	2	2	0	0	0
Các cơ sở nghiên cứu Ngôn ngữ Anh	2	2	2	2	0	2
Trường Đại học, Cao đẳng	0	0	0	0	2	0
Lĩnh vực Báo chí	1	1	1	2	0	1
Khu di tích lịch sử văn hóa và danh thắng	1	2	2	1	0	2
Công ty nước ngoài	0	2	2	2	0	0

Chú giải:

	Không có vị trí việc làm tại môi trường làm việc tương ứng
	Người học có thể làm được; người học sẽ làm được tốt hơn nếu tích lũy kinh nghiệm và học thêm (học bổ sung, học nâng cao trình độ)
	Người học sẽ làm được ngay sau khi tốt nghiệp

3.2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo bậc đại học ngành Sư phạm tiếng Anh tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học các chuyên ngành: ngôn ngữ Anh, phương pháp dạy học tiếng Anh, ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, v.v... ở các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài.

3.3. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Anh trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

3.4. Khối lượng học tập

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học có khối lượng học tập là 122 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

3.5. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

3.5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Tiếng Anh trình độ Đại học gồm 122 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 25 tín chỉ, có tỉ lệ 20,5%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 97 tín chỉ, có tỉ lệ 79,5%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (41 tín chỉ: 39 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 33,6% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (37 tín chỉ: 35 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 30,33% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập (12 tín chỉ; chiếm 9,84% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 5,74% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức, tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương <i>(Không tính các môn học GDTC và GDQP - AN)</i>		25 tín chỉ
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97 tín chỉ
2.1. Kiến thức cơ sở ngành		41 tín chỉ
	+ Bắt buộc	39 tín chỉ
	+ Tự chọn	2 tín chỉ
2.2. Kiến thức chuyên ngành		37 tín chỉ
	+ Bắt buộc	35 tín chỉ
	+ Tự chọn	2 tín chỉ
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập		12 tín chỉ
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế		7 tín chỉ
TỔNG SỐ		122 tín chỉ

3.6. Nội dung Chương trình đào tạo

3.6.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ		Ghi chú
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành	
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP và AN)			25			
Lí luận chính trị			11			
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	32	26	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	18	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	
4	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	
5	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	18	
Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh						
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	1	3	27	0
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	54	0
8	ME008	Giáo dục quốc phòng và an ninh 1		37	8	
9	ME009	Giáo dục quốc phòng và an ninh 2		22	8	
10	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		14	16	
11	ME011	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		4	56	
Ngoại ngữ - Tin học			8			
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)						
12	Tự chọn 1 (Ngoại ngữ 2)					

12.1	RU012.1	Tiếng Nga 1	3	30	30	
12.2	CH012.2	Tiếng Trung 1	3	30	30	
13	Tự chọn 2 (Ngoại ngữ 2)					
13.1	RU013.1	Tiếng Nga 2	3	30	30	
13.2	CH013.2	Tiếng Trung 2	3	30	30	
14	IT014	Tin học đại cương	2	15	30	
Khoa học Xã hội - Nhân văn			6			
15	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	18	
16	CUL016	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	15	30	
17	EDU017	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	15	30	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			97			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			41			
Các học phần bắt buộc			39			
18	PSE118	Tâm lí học	3	30	30	
19	PSE119	Giáo dục học	3	30	30	
20	EN120	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1	5	40	70	
21	EN121	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2	5	40	70	
22	EN122	Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3	5	40	70	
23	EN123	Nghe - nói tiếng Anh 1	3	30	30	
24	EN124	Đọc - Viết tiếng Anh 1	3	30	30	
25	EN125	Nghe - Nói tiếng Anh 2	3	30	30	
26	EN126	Đọc - Viết tiếng Anh 2	3	30	30	
27	EN127	Nghe - Nói tiếng Anh 3	3	30	30	
28	EN128	Đọc - Viết tiếng Anh 3	3	30	30	
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)			2			
Tự chọn 3						

29.1	EN329.1	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	20	20	
29.2	EN329.2	Ngôn ngữ học chức năng hệ thống	2	20	20	
29.3	EN329.3	Phân tích diễn ngôn	2	20	20	
2.2. Kiến thức chuyên ngành			37			
Các học phần bắt buộc			35			
30	EN230	Tiếng Anh nâng cao	3	30	30	
31	EN231	Ngữ pháp tiếng Anh	3	30	30	
32	EN232	Ngữ âm tiếng Anh	3	30	30	
33	EN233	Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Anh	3	20	50	
34	EN234	Văn hóa Anh – Mỹ	3	30	30	
35	EN235	Phương pháp nghiên cứu khoa học Xã hội	2	20	20	
36	EN236	Lý thuyết dịch	2	20	20	
37	TMT237	Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2	30	30	
38	TMT238	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1	4	30	60	
39	TMT239	Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2	4	30	60	
40	TMT240	Kiểm tra đánh giá tiếng Anh	3	30	30	
41	TMT241	Phát triển chương trình và học liệu	3	30	30	
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)			2			
42	Tự chọn 4		2			
42.1	EN342.1	Giao thoa văn hóa	2	20	20	
42.2	EN342.2	Kỹ năng thuyết trình	2	15	30	
42.3	TMT342.3	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh Tiểu học	2	15	30	

2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập			12			
43	TMT243	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	15	30	
44	TMT244	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	15	30	
45	TMT245	Thực tập sư phạm 1	2		120	
46	TMT246	Thực tập sư phạm 2	6		360	
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế			7			
<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>						
47A		Khóa luận tốt nghiệp	7			
<i>Học phần thay thế</i>			7			
47B1	TMT447B1	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành (ESP)	3	30	30	
47B2	TMT447B2	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tiếng Anh	2	15	30	
47B3	TMT447B3	Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh	2	15	30	
Tổng cộng			122			

3.6.2. Mô tả học phần

1. Triết học Mác - Lênin

3TC

Học phần triết học Mác - Lênin là học phần cung cấp thế giới quan khoa học và phương pháp luận biện chứng cho sinh viên, giúp sinh viên phát triển năng lực tư duy biện chứng và có khả năng vận dụng các nguyên lý, nguyên tắc phương pháp luận triết học vào trong thực tiễn cuộc sống. Đây là học phần bắt buộc ở học kỳ 1 năm thứ nhất trong chương trình đào tạo sinh viên của tất cả các ngành ở bậc Đại học. Học phần được kết cấu bởi 3 chương, trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề triết học và triết học Mác-Lênin, học phần giúp sinh viên hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật, từng bước vận dụng trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề triết học trong thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác -Lênin

2TC

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo trình độ đại học. Học phần có 6 chương, bao gồm hệ thống tri thức về hàng hóa, thị trường, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, về kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, trang bị cho sinh viên

cơ sở lý luận để nhận thức đúng bản chất của các hiện tượng, các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, góp phần hình thành kỹ năng thực hiện các hoạt động kinh tế, nâng cao bản lĩnh chính trị cho sinh viên.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2TC

Đây là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, bắt buộc đối với sinh viên tất cả các ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội: về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, về vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và việc vận dụng những lý luận đó vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, được tổ chức giảng dạy vào kỳ 5. Học phần gồm 6 chương, giúp người học hiểu được nội dung, vai trò, vị trí và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó vận dụng, liên hệ với thực tiễn học tập, rèn luyện, xây dựng nhân cách để trở thành công dân tốt, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 2TC

Học phần Lịch sử Đảng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của các ngành đào tạo. Học phần gồm 3 chương, trang bị những nội dung bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua học tập sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, có bản lĩnh chính trị, tư tưởng. Học phần không những cung cấp những kiến thức cơ bản về sự ra đời và lãnh đạo của Đảng, mà còn hình thành cho sinh viên năng lực phân tích các sự kiện Lịch sử Đảng, bài học kinh nghiệm qua các thời kỳ.

6. GDTC1

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khỏe hàng ngày. Môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

7. GDTC2

Giáo dục thể chất 2 là học phần sinh viên tự chọn 01 trong 07 môn học: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông.

Đá cầu

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các môn học giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thần tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

Bóng chuyền

Học phần Bóng chuyền trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, kỹ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

Bóng đá

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lý thực hiện kỹ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kỹ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

Bóng rổ

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kỹ thuật cơ bản về di chuyển, chuyền và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

Võ thuật Vovinam

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy môn học làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

Aerobic

Học phần Aerobic là môn học tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung môn học bao gồm: lý thuyết Aerobic, kỹ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể;

rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn học khác.

Cầu lông

Cầu lông là môn học trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, giảng dạy các kỹ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt hỗ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

8. Giáo dục quốc phòng an ninh 1 (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

9. Giáo dục quốc phòng an ninh 2 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

10. Giáo dục quốc phòng an ninh 3 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử

dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

11. Giáo dục quốc phòng an ninh 4 (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

12. Ngoại ngữ thứ 2 (HP1): tiếng Nga, tiếng Trung Quốc 3TC

Ngoại ngữ thứ 2 (HP1) là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các ngành không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 1 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương A1 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 2; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia *ngoại ngữ thứ 2* và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng *ngoại ngữ thứ 2*.

13. Ngoại ngữ thứ 2 (HP2): tiếng Nga, tiếng Trung Quốc 3TC

Ngoại ngữ thứ 2 là học phần ngoại ngữ bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học cho sinh viên các khoa không chuyên ngữ. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 2 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương A2 khung tham chiếu châu Âu). Học phần (1) cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ về từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, (2) hỗ trợ sinh viên thực hành và phát triển các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3; (3) cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn hóa xã hội của các quốc gia nói *ngoại ngữ thứ 2* và các nước trong khu vực cũng như trên thế giới; (4) phát triển các kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ.

14. Tin học cơ bản 2TC

Học phần *tin học cơ bản* trang bị các kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông cho sinh viên hệ Cử nhân Sư phạm. Nội

dung học phần nhằm rèn luyện kỹ năng linh hoạt thích ứng trong thời đại kỹ nguyên số, sử dụng hiểu biết và các kỹ năng đó như là công cụ để học tập và nghiên cứu nội dung các môn học tiếp theo, ứng dụng hiệu quả kiến thức ICT trong công việc giảng dạy sau này.

15. Pháp luật đại cương

2TC

Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương của tất cả các chương trình đào tạo. Môn học cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước và pháp luật, nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.

16. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2TC

Học phần *Cơ sở văn hóa Việt Nam* là học phần bắt buộc trong khối kiến thức đại cương khối ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp người học nhận diện tổng quan về văn hóa Việt Nam, những hiện tượng văn hóa Việt Nam đã và đang diễn ra trong đời sống nói riêng và những đặc trưng cơ bản làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam.

17. Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT

2TC

Môn học Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính NN (tính chất, nội dung, phương pháp, luật...); quản lý nhà nước về GDĐT (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý nhà nước về GDĐT; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về GDĐT) và các văn bản quy phạm pháp luật về GDĐT; giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục. Môn học có mối quan hệ mật thiết với môn pháp luật đại cương, môn giáo dục học.

18. Tâm lý học

3TC

Học phần Tâm lý học có vị trí rất quan trọng trong Chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần cung cấp cơ sở tâm lý để hình thành tri thức, rèn luyện các kỹ năng, các giá trị, phẩm chất và phát triển năng lực nghề dạy học cho sinh viên, giúp sinh viên hoạt động có hiệu quả trong dạy học, giáo dục và tư vấn, hỗ trợ học sinh.

19. Giáo dục học

3TC

Học phần *Giáo dục học* là học phần căn bản của Chương trình đào tạo Sư phạm. Học phần cung cấp những kiến thức nền về phương thức vận hành nhà trường, hình thành cho người học những phẩm chất và năng lực cơ bản của người giáo viên. Người học được trải nghiệm trong không gian nghề nghiệp,

được thiết kế những tiết dạy cùng đội nhóm, được tranh biện về những tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, Sao nhi đồng... Được thử thách, khám phá năng lực sư phạm của bản thân và được cố vấn để hoàn thiện những năng lực đó.

20. Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 1 5TC

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

21. Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 2 5TC

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở bậc 3 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

22. Kỹ năng tổng hợp tiếng Anh 3 5TC

Học phần *Kỹ năng tổng hợp Tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) theo các chủ đề ở cuối bậc 3 đầu bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng về văn hóa xã hội và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

23. Nghe - Nói tiếng Anh 1 3TC

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ

(ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 4 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

24. Đọc - Viết tiếng Anh 1

3TC

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở 4 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 4v à làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

25. Nghe - Nói tiếng Anh 2

3TC

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

26. Đọc - Viết tiếng Anh 2

3TC

Học phần *Đọc – Viết tiếng Anh 2* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở cuối bậc 4, đầu bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với cuối bậc 4, đầu bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

27. Nghe - Nói tiếng Anh 3

3TC

Học phần *Nghe - Nói tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng nghe, nói chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

28. Đọc - Viết tiếng Anh 3

3TC

Học phần *Đọc -Viết tiếng Anh 3* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 2 kỹ năng đọc, viết chuyên sâu theo các chủ đề ở bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

29. Ngôn ngữ học đối chiếu

2TC

Ngôn ngữ học đối chiếu là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh. Học phần này cung cấp cho người học vốn kiến thức sâu rộng về nguồn gốc, đặc điểm cũng như các khái niệm cơ bản trong ngôn ngữ học đối chiếu cũng như các phương pháp, nguyên tắc đối chiếu trong ngôn ngữ (đối chiếu song song, đối chiếu hệ thống, hành vi...). Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên có thể so sánh đối chiếu giữa hai ngôn ngữ như tiếng Việt và Tiếng Anh và giữa tiếng Anh với một số ngôn ngữ khác trên thế giới ở

các phương diện như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, câu...

Thông qua môn học này, sinh viên có thể có cái nhìn toàn diện hơn về ngôn ngữ, sự khác biệt giữa các ngôn ngữ, đồng thời hình thành được kỹ năng đối chiếu phân tích ngôn ngữ phục vụ cho quá trình giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

30. Ngữ pháp chức năng hệ thống 2TC

Ngữ pháp chức năng hệ thống là học phần tự chọn đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Học phần giới thiệu một cách tổng quan về ngữ pháp chức năng đồng thời bước đầu vận dụng lý thuyết của ngữ pháp chức năng vào nghiên cứu câu tiếng Anh.

31. Phân tích diễn ngôn 2TC

Phân tích diễn ngôn là môn học tự chọn đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Học phần cung cấp cho người học những nội dung sau: kiến thức cơ bản về diễn ngôn với tư cách là một ngôn ngữ giao tiếp, với những hình thức thể hiện và chức năng cơ bản nhất; những đặc điểm về chủ đề, cấu trúc nội dung và những kiểu mạch lạc quyết định sự tồn tại và hình thức của diễn ngôn; cách tiếp cận vận dụng học với phân tích diễn ngôn để người học nắm được mối liên quan chặt chẽ giữa chúng và lý thuyết về hành vi ngôn ngữ và việc sử dụng kiến thức nền trong phân tích diễn ngôn.

32. Tiếng Anh nâng cao 3TC

Học phần Tiếng Anh nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần này giúp người học củng cố, phát triển kiến thức ngôn ngữ (ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm, chức năng ngôn ngữ) và rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc viết nâng cao theo các chủ đề ở bậc 5 và đầu bậc 6 theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Người học có cơ hội thực hiện các hoạt động giao tiếp ngôn ngữ bằng tiếng Anh, phát triển kiến thức nâng cao và chuyên sâu về các chủ đề tương ứng với bậc 5 và đầu bậc 6 và làm hành trang cho các học phần tiếp theo trong CTĐT.

33. Ngữ pháp tiếng Anh 3TC

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng liên quan đến các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh; giúp sinh viên sử dụng ngữ pháp thành thạo trong giao tiếp (thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và dịch); và trang bị cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các hiện tượng ngữ pháp liên quan, các quan niệm có tính chất trường phái về cú pháp.

34. Ngữ âm tiếng Anh

3TC

Ngữ âm tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống âm vị, các qui tắc phát âm trong tiếng Anh; kỹ năng phát âm chính xác, khả năng nghe, nói thành thạo trong giao tiếp tiếng Anh; kỹ năng nghiên cứu, phân tích, giải thích, đối chiếu các vấn đề về âm vị trong tiếng Anh, giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

35. Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Anh

3TC

Từ vựng- Ngữ nghĩa học tiếng Anh là học phần bắt buộc trong CTĐT cử nhân và sư phạm Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản về từ, ngữ, thành phần cấu tạo từ, quá trình tạo từ, nghĩa từ và câu trong tiếng Anh; kỹ năng phân tích thành phần, cấu trúc, mối quan hệ về nghĩa của từ, ngữ chính xác khi đọc, dịch văn bản tiếng Anh; khả năng vận dụng linh hoạt những kiến thức của môn học vào các môn học khác cũng như dịch, đọc các văn bản hay trong hoạt động giao tiếp hằng ngày.

36. Văn hóa Anh - Mỹ

2TC

Học phần Văn hóa Anh – Mỹ là học phần bắt buộc thuộc khối chuyên ngành của CTĐT Cử nhân Ngôn ngữ Anh và Sư phạm Anh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Anh – Mỹ; rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá trào lưu văn học và văn hóa Anh – Mỹ qua các giai đoạn lịch sử và qua một số tác phẩm văn học tiêu biểu; giúp sinh viên có năng lực phát hiện và phát triển các giá trị trong môi trường giao tiếp đa văn hóa.

37. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2TC

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về các phương pháp nghiên cứu khoa học, đặc biệt là những phương pháp thường được áp dụng để thực hiện các nghiên cứu các

vấn đề liên quan đến chuyên ngành phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Bên cạnh đó, học phần này còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng nghiên cứu cần thiết để có thể thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình, đồng thời xây dựng ý thức nghiên cứu để cải thiện thực trạng và phát triển nghề nghiệp. Học phần cũng giúp cho người học xây dựng niềm vui và đam mê nghiên cứu khoa học để phục vụ cộng đồng.

38. Lý thuyết dịch

3TC

Học phần Lý thuyết dịch là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Anh. Học phần này nhằm giúp sinh viên vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lí luận ngôn ngữ Anh vào hoạt động biên dịch, tiếp cận những kỹ năng dịch cơ bản và các kỹ thuật dịch để làm việc với các loại văn bản khác nhau. Học phần cũng đồng thời giúp sinh viên tích lũy kiến thức về các vấn đề toàn cầu, xây dựng vốn từ vựng phong phú về các chủ đề quen thuộc, phát triển khả năng tự học và xây dựng ý thức tự rèn luyện.

39. Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh

2TC

Học phần Lý luận về phương pháp giảng dạy tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào giải thích các đường hướng, phương pháp giảng dạy và các nguyên tắc cơ bản về dạy học và soạn giáo án tiếng Anh và các thức tổ chức và xử lý tình huống liên quan đến các hoạt động dạy học môn tiếng Anh.

40. Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1

4TC

Học phần *Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 1* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào (1) giải thích các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật cơ bản về thiết kế giáo án, tiến hành bài giảng kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp), cách thức triển khai các hoạt động cơ bản về dạy học và quản lý lớp học theo CTGDPT môn tiếng Anh cấp THPT, (2) phân tích bài dạy kiến thức ngôn ngữ, (3) thiết kế các hoạt động giảng dạy kiến thức ngôn ngữ theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT, và (4) thực hành hoạt động giảng dạy kiến thức ngôn ngữ và quản lý lớp học theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT.

41. Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2

4TC

Học phần Kỹ thuật và thực hành giảng dạy tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào (1) giải thích các nguyên lý, phương pháp

và kỹ thuật thiết kế giáo án, tiến hành bài giảng theo chương trình tiếng Anh cấp THPT, (2) phân tích các loại hình bài dạy (bài dạy kiến thức ngôn ngữ, bài dạy kỹ năng, bài dạy giao tiếp và văn hóa, bài dạy theo dự án), (3) thiết kế các hoạt động giảng dạy theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT, và (4) thực hành hoạt động giảng dạy theo chương trình và SGK tiếng Anh cấp THPT

42. Kiểm tra đánh giá Tiếng Anh

3TC

Học phần Kiểm tra đánh giá Tiếng Anh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần này cung cấp cho người học những lý thuyết cơ bản về kiểm tra đánh giá. Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc, giới thiệu về các khái niệm lý thuyết cơ bản và các vấn đề về đánh giá ngôn ngữ, cũng như năng lực trong việc tự mình tạo ra hoặc lựa chọn đúng những công cụ đánh giá sẵn có, viết báo cáo và phân tích các kết quả đánh giá.

43. Phát triển chương trình và học liệu

3TC

Học phần Phát triển chương trình và học liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT đại học ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần tập trung vào (1) giải thích các khái niệm và các khía cạnh cơ bản của quá trình phát triển học liệu chương trình dạy tiếng Anh, (2) phân tích môi trường và nhu cầu của việc học tiếng Anh nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông tại Việt Nam. (3) phân tích các đường hướng xây dựng chương trình môn Tiếng Anh và nội dung SGK Tiếng Anh lớp 10, 11 và 12 theo chương trình GDPT. Học viên có khả năng vận dụng mô hình thiết kế ngược (backward design) để thiết kế 1 đơn vị bài học và phát triển tài liệu phù hợp với nội dung chương trình học hiện hành để đáp ứng yêu cầu đào tạo.

44. Giao thoa văn hóa

2TC

Học phần Giao thoa văn hóa là học phần bắt buộc trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá các yếu tố của văn hoá xã hội ảnh hưởng tới giao tiếp; là cơ sở cho tìm hiểu, nghiên cứu những tương đồng và dị biệt trong giao tiếp so sánh giữa hai hoặc nhiều nền văn hoá. Môn học cung cấp một cách tiếp cận với những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc và cuộc sống. Môn học giới thiệu đến người học những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới, đồng thời, áp dụng những lý thuyết này trong việc xem xét những nền văn hóa quen thuộc (Việt Nam) và xa lạ.

45. Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh

2TC

Thuyết trình tiếng Anh là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh. Học phần bao gồm các bài học theo nội dung đã được chọn lọc, giới thiệu về các khái niệm lý thuyết cơ bản và các vấn đề về đánh giá ngôn ngữ, cũng như năng lực trong việc tự mình tạo ra hoặc lựa chọn đúng những công cụ đánh giá sẵn có, viết báo cáo và phân tích các kết quả đánh giá. Học phần giới thiệu các vấn đề liên quan đến chất lượng giám khảo trong đánh giá năng lực người học. Thông qua đó, sinh viên xác định được một cách rõ ràng các tiêu chí đánh giá cũng như các lỗi thường gặp của giám khảo khi đánh giá năng lực người học, tích lũy cho bản thân những kinh nghiệm để trở thành giám khảo chấm đúng, chấm chuẩn khi tham gia công tác kiểm tra đánh giá. Học phần còn cung cấp các hoạt động phát triển kỹ năng của người học như: làm việc nhóm, thu thập thông tin, phân tích, đánh giá thông tin thu được, lựa chọn và thiết kế các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp thực tiễn phổ thông và năng lực người học.

46. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh tiểu học

2TC

Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh tiểu học là môn học tự chọn đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Anh nói chung và kiến thức về tâm lý lứa tuổi cũng như những nhu cầu học tập của học sinh ở bậc tiểu học nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn tổ chức các hoạt động dạy học từ vựng và ngữ pháp đa dạng phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học. Qua đó, người học tự thiết kế bài giảng và tổ chức các hoạt động dạy học cho học sinh ở trường tiểu học theo hướng nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh.

47. Nghiệp vụ SP Tiếng anh 1

2TC

Nghiệp vụ sư phạm 1 là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng trình bày bảng, kỹ năng khai thác đưa ra chỉ dẫn trong dạy học và kỹ năng phản hồi người học. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được thực hành các kỹ năng kể trên một cách thành thạo. Từ đó, sinh viên sẽ hiểu được sâu sắc tầm quan trọng của một số kỹ thuật dạy học trong quá trình giảng dạy.

48. Nghiệp vụ sư phạm Tiếng anh 2

2TC

Nghiệp vụ sư phạm tiếng Anh 2 là môn học bắt buộc đối với sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh. Mục tiêu của môn học này là nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về một số kỹ năng tiền giảng dạy như phát triển các kỹ năng soạn giáo án và tổ chức hoạt động dạy học ngữ pháp, từ vựng, phát âm.

Trên cơ sở đó, các nhà sư phạm tương lai sẽ được thực hành các kỹ năng kể trên một cách thành thạo. Từ đó, sinh viên sẽ hiểu được sâu sắc tầm quan trọng của một số kỹ thuật dạy học trước khi thực giảng trên lớp.

49. Thực tập sư phạm 1

2TC

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 1 nhằm giúp người học hiểu được thực tế giáo dục, tiếp xúc với học sinh và giáo viên các cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp.

50. Thực tập sư phạm 2

6TC

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng có bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

51. Khóa luận tốt nghiệp

7TC

Học phần Khóa luận tốt nghiệp là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo Sư phạm tiếng Anh. Học phần giúp người học có khả năng thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành nghề đào tạo. Người học có khả năng vận dụng các PPDH tích cực để thực hiện hiệu quả chương trình GDPT; vận dụng các phương pháp khoa học vào việc lựa chọn đề tài, thu thập tư liệu, phân tích, xử lý tư liệu để giải quyết vấn đề, viết báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục và hoàn thành khóa luận, người học sử dụng được những PP và kỹ thuật GD; áp dụng các kỹ thuật và quy định liên quan đến hình thức trình bày một công trình nghiên cứu, cách thức trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo, kỹ năng thuyết trình khoa học và kỹ năng CNTT. Người học có kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo, thể hiện ý thức, thái độ khách quan, trung thực và các chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu.

52. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành

3TC

Nội dung của môn học Phương pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành là môn học nằm trong hệ thống các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp. Môn học này nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn chung về giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành. Ngoài ra người học còn được thực hành thiết kế hoạt động giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành và phát triển tài liệu phục vụ môn học. Dựa trên những kiến thức đó, người học có thể tự tin, sẵn

sàng có ý tưởng, xây dựng chương trình và tham gia vào nghiên cứu, giảng dạy môn học sau khi hoàn thành môn học.

53. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong DHTA

2TC

Nội dung của môn học Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học tiếng Anh là môn học nằm trong hệ thống các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp. Môn học này nhằm trang bị cho người học những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn chung về hoạt động trải nghiệm. Dựa trên những kiến thức đó, người học có thể tự tin giảng dạy các hoạt động trải nghiệm được thiết kế trong sách giáo khoa hiện nay. Ngoài ra người học còn được thực hành thiết kế và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cụ thể trong dạy học tiếng Anh như tổ chức cuộc thi nói tiếng Anh ; Rung chuông vàng; câu lạc bộ tiếng Anh..... Qua đó, người học sẽ sẵn sàng có ý tưởng, xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm đối với môn Tiếng Anh sau khi hoàn thành môn học.

54. Nghiên cứu hành động trong DHTA

2TC

Học phần Nghiên cứu hành động trong dạy học tiếng Anh là môn học nằm trong hệ thống các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của, được thiết kế bao gồm 2 hợp phần: nghiên cứu lý thuyết nền tảng về nghiên cứu hành động và tiến hành áp dụng đổi mới thực tế ở trường phổ thông. Hợp phần 1 trọng tâm vào việc phát triển kiến thức cơ bản về nghiên cứu hành động và tiến hành hoạt động đổi mới; hợp phần 2 hướng đến phát triển kỹ năng tiến hành đổi mới, cải tiến sư phạm của giáo viên trong bối cảnh công việc cụ thể theo các bước nghiên cứu hành động, dựa trên kiến thức và kỹ năng được trang bị ở hợp phần 1.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo hiện nay của nhà trường

4.1.1. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, đã trưởng thành qua thực tế và có nhiều năm kinh nghiệm, có thâm niên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT. Đội ngũ tham gia giảng dạy ngành Sư phạm Tiếng Anh gồm 35 người với 12 Tiến sĩ, 33 Thạc sĩ, trong đó:

- Có 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: TS. Vũ Hoài Thu, chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.

- Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy:

+ TS. Phạm Thu Hằng, chuyên ngành Triết học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương.

+ TS. Nguyễn Thị Tím Huế, chuyên ngành Khoa học giáo dục: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành.

+ TS. Vũ Thị Thảo chuyên ngành Ngôn ngữ: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành.

+ TS. Trần Thị Hương, chuyên ngành Giáo dục: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, thực hành và thực tập sư phạm.

+ TS. Vũ Hoài Thu, chuyên ngành Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành.

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định: Đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của trường đảm nhận được 100% khối lượng chương trình đào tạo. (*Phụ lục Mẫu 1, Mẫu 2*).

4.1.2. Cán bộ nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được nhà trường quan tâm, khuyến khích. Hiện tại, Trường Đại học Hải Dương có Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường, có quy chế hoạt động cụ thể. Hội đồng Khoa học và Đào tạo giữ vai trò tham mưu cho Ban Giám hiệu, các Khoa, Trung tâm trong định hướng phát triển chuyên môn, khoa học của nhà trường, các đơn vị và các ngành nghề đào tạo.

Trong giai đoạn từ 2010 đến nay, số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế đạt chỉ số quốc tế ISI, Scopus là 32 bài; số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học trong nước hàng trăm bài. Nhà trường cũng tham gia thực hiện 06 đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp tỉnh về khoa học giáo dục; cùng với đó là nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học của nhà trường nhằm không ngừng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất và phát triển ngành nghề đào tạo, đặc biệt là ứng dụng vào khoa học giáo dục. Hằng năm, 100% các giảng viên, cán bộ quản lý của nhà trường tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được tăng cường thông qua việc làm đồ án, luận án, khoá luận tốt nghiệp.

05 năm trở lại đây, các giảng viên khoa Ngoại Ngữ và các giảng viên ở những khoa khác đã thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo Sư phạm Tiếng Anh. Các đề tài đều có tính ứng dụng cao, phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy, được Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học nhà trường đánh giá, xếp loại Giỏi, Xuất sắc.

Đặc biệt, các giảng viên của khoa Ngoại Ngữ rất tích cực viết bài đăng trên các tạp chí nghiên cứu, tạp chí khoa học, biên soạn tài liệu tham khảo, xuất bản sách,... hỗ trợ hữu ích giáo viên và học sinh phổ thông trong việc dạy học môn Tiếng Anh theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

(Xem Phụ lục Mẫu 4)

4.2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học của nhà trường

Nhằm tăng cường đội ngũ giảng viên có học vị Tiến sĩ, Trường thực hiện chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên đi học. Ngoài ra, Trường cũng thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ cao; áp dụng chế độ thu hút nhân tài của tỉnh Hải Dương đối với những giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

Nhà trường cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ sở đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, ký hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với qui mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

PHẦN 5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1 Về cơ sở vật chất hiện có của Nhà trường

5.1.1. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy, học

Trường Đại học Hải Dương có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Sư phạm Tiếng Anh. Trong đó bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; thư viện, trung tâm học liệu; trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; nhà kí túc xá 5 tầng; nhà dịch vụ; nhà ăn sinh viên; phòng tập thể thao, nhà

tập đa năng; sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo; sân bóng chuyên; sân bóng rổ. Cụ thể:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;
- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn sinh viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyên: 02;
- Sân bóng rổ: 02.

(Xem Phụ lục Mẫu 6)

5.1.2. Về học liệu, nguồn thông tin thư viện

Trường Đại học Hải Dương có thư viện được trang bị hàng nghìn đầu sách chung và hàng trăm đầu sách chuyên ngành. Ngoài thư viện đặt trong khuôn viên nhà trường, trường còn xây dựng thư viện điện tử với các đầu sách rất phong phú. Nguồn học liệu của nhà trường như các bài giảng điện tử, bản đồ tư duy,... được sưu tầm, lưu trữ từ nhiều cơ sở đào tạo giáo viên Tiếng Anh trên cả nước. Nhà trường có 170 đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

(Xem Phụ lục Mẫu 7)

5.1.3. Trường thực hành sư phạm

Trường Đại học Hải Dương có trường thực hành sư phạm THCS Chu Văn An được thành lập từ năm 2016 với đủ các khối lớp 6, 7, 8, 9, quy mô 13 lớp, trên 400 học sinh; Trường THPT Chu Văn An được thành lập từ năm 2019 với đủ các khối lớp 10, 11, 12, quy mô 28 lớp, trên 1000 học sinh. Đây là một trong các địa chỉ lí tưởng rèn năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, thực hiện phương châm đào tạo thực hành, thực nghiệm của Trường Đại học Hải Dương.

5.2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất của Nhà trường

Trong thời gian tới, theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương đã được của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 – 2025) ước tính từ 200 – 250 tỷ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc ... kang trang, hiện đại dùng chung cho đào tạo các ngành. Nhà trường cam kết thực hiện việc tăng cường mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, học liệu,... bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

PHẦN 6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đối với ngành đào tạo

- Đơn vị chuyên môn cấp khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành Sư phạm tiếng Anh, trình độ đại học: Khoa Ngoại Ngữ

- Các tổ bộ môn trong khoa: 02 bộ môn bao gồm bộ môn phương pháp giảng dạy tiếng Anh, bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế.

- Đội ngũ: 03 tiến sỹ và các giảng viên

- Cơ sở vật chất của khoa: Khoa có 01 văn phòng dùng chung, 01 văn phòng cho Trưởng khoa, 02 văn phòng cho các tổ bộ môn của khoa. Các văn phòng đều được trang bị máy vi tính, máy in, điện thoại cố định và các vật dụng văn phòng cần thiết khác.

Các Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành (tín, ngoại ngữ...) đều được trang bị máy chiếu, máy điều hoà, kết nối mạng internet: Ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương, toà nhà giảng đường 06 tầng, số 42 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương.

Cơ sở thực hành sư phạm của ngành đào tạo: Trường THCS Chu Văn An, Trường THPT Chu Văn An ở tại cơ sở 2 Trường Đại học Hải Dương, số 42 Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương.

6.2. Phân công cán bộ quản lý chuyên môn

- Lãnh đạo khoa: 01 trưởng khoa, 02 phó khoa

- Trợ lý khoa: 01

- Lãnh đạo tổ bộ môn: 01 tổ trưởng bộ môn Phương pháp giảng dạy tiếng Anh, 01 Tổ trưởng bộ môn Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế.

- Trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo Sư phạm Tiếng Anh: Quản lý giảng viên, cán bộ và người học thuộc Khoa Ngoại Ngữ theo phân cấp của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương; tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy; biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo các môn học do khoa quản lý; thực hiện giảng dạy các môn học chuyên ngành và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình đào tạo; tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương bổ sung cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo, ngân hàng đề thi, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập; tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành; triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Trường Đại học Hải Dương; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; quản lý các hoạt động của sinh viên.

(Xem Phụ lục Mẫu 3)

PHẦN 7. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã quy định: Cơ sở đào tạo phải xây dựng, đề xuất, phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo do Hội đồng trường phê duyệt và chịu trách nhiệm về định hướng phát triển mở ngành mới, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của cơ sở đào tạo; đồng thời bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực. Ngoài ra phải bảo đảm việc triển khai đề án mở mã ngành đào tạo đạt hiệu quả; thẩm định về dự báo rủi ro; đề xuất các giải pháp ngăn ngừa đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp rủi ro xảy ra khi mở ngành đào tạo.

7.1. Rủi ro của đề án mở mã ngành

Rủi ro lớn nhất được xác định về việc tuyển sinh không đủ chỉ tiêu, đặc biệt là năm đầu do công tác truyền thông, quảng bá tuyển sinh hoặc kết quả khảo sát nhu cầu học tập, tuyển dụng của Nhà trường chưa hoàn toàn chính xác hoặc mẫu khảo sát chưa đủ lớn. Để phòng ngừa, xử lý rủi ro này, Nhà trường sẽ tiếp tục vận dụng, tranh thủ sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo, đối tác của Nhà trường; tích cực tăng cường công tác truyền thông đến người học và các nhà tuyển dụng.

Rủi ro khác có thể xảy ra do hậu quả từ hoạt động của con người trong điều hành hoạt động của nhà trường và cam kết đầu tư nguồn lực cơ sở vật chất và con người trong quá trình tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Để quản lý tốt rủi ro này, Nhà trường cam kết nghiêm túc thực hiện và vận dụng sáng tạo quy chế, quy định của pháp luật để tổ chức, thực hiện hiệu quả đề án.

Các biện pháp phòng ngừa và xử lý rủi ro khác có thể được đảm bảo bởi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hiện nay.

7.2. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với đề án mở mã ngành

- Xây dựng và thẩm định đề án thật kỹ theo các quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị tốt các cơ sở vật chất, cả trong trường hợp đào tạo online do ảnh hưởng của dịch bệnh;
- Khảo sát kỹ nhu cầu nhân lực của vùng và địa phương;
- Tăng cường việc định hướng nghề nghiệp đối với học sinh;
- Chuẩn bị thích ứng nhanh và hiệu quả nhất đối với các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Sư phạm Tiếng Anh;
- Chuẩn bị và đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cao điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

7.3. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với đề án mở mã ngành

Trường Đại học Hải Dương nhận thức được các rủi ro có thể gặp phải nên theo quy định đã lập quỹ dự phòng để tự hạn chế, khắc phục hậu quả.

PHẦN 8. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Nhà trường cam kết không vi phạm các quy định hiện hành về các điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức quản lý và đào tạo các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học từ khi thành lập trường đến nay.

Trường Đại học Hải Dương sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, giáo trình, đáp ứng tốt nhất cho việc dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành học Sư phạm Tiếng Anh.

Nhà trường cam kết và khẳng định luôn công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hằng năm theo các khoá học, ngành học; công khai tỉ lệ việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp; công khai mức thu học phí; công khai

chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của ngành.

Với điều kiện cơ sở vật chất như trên, cùng đội ngũ cán bộ tâm huyết, có năng lực, Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể triển khai thành công đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Tiếng Anh (mã ngành: 7140231), trình độ đại học để Trường triển khai công tác tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2023 - 2024./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND tỉnh Hải Dương;
- Lưu VT, ĐT ĐH&SĐH.

HIỆU TRƯỞNG